

# TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA CƠ QUAN GIÁM SÁT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

 **Le Thị Tuyết Nhung \***

Nhận: 05/12/2021

Biên tập: 06/12/2021

Duyệt đăng: 20/12/2021

## Tóm tắt

Hoạt động kiểm toán độc lập trở thành nhu cầu cần thiết để chuẩn hóa, công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, chủ sở hữu vốn và các chủ nợ. Về góc độ quản lý Nhà nước, đã tạo lập một hệ thống kiểm toán độc lập với khuôn khổ pháp lý đầy đủ, trên cơ sở vận dụng thông lệ quốc tế phù hợp điều kiện cụ thể của Việt Nam. Vai trò và năng lực quản lý Nhà nước về kiểm toán từng bước được nâng cao; việc kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật về kiểm toán được thực hiện ngày một phù hợp và hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** kiểm toán độc lập, cơ quan giám sát, kiểm soát chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán

## Abstracts

Independent audit activities have become a necessary need to standardize, publicize and transparent financial information, serving the interests of the State, enterprises, domestic and foreign investors, capital owners and investors, creditors. From a state management perspective, an independent audit system has been established with a full legal framework, on the basis of applying international practices suitable to the specific conditions of Vietnam. The role and capacity of state management in auditing has been gradually improved; the inspection and supervision of compliance with the law on auditing is carried out more appropriately and effectively.

**Keywords:** independent audit, supervisory agency, quality control, audit firm.

## 1. Đánh giá chung về hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp kiểm toán thời gian qua ở Việt Nam

Trải qua 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng, Nhà nước khởi xướng và lãnh đạo đã tạo ra động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kiểm toán độc lập, qua quá trình hình thành và phát triển, là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế vĩ mô, đóng vai trò tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động kiểm

toán độc lập trở thành nhu cầu cần thiết để chuẩn hóa, công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, chủ sở hữu vốn và các chủ nợ.

Về góc độ quản lý Nhà nước, đã tạo lập một hệ thống kiểm toán độc lập với khuôn khổ pháp lý đầy đủ, trên cơ sở vận dụng thông lệ quốc tế phù hợp điều kiện cụ thể của Việt Nam, gồm Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, các văn bản hướng dẫn Luật cùng và hệ thống 37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Vai trò

và năng lực quản lý nhà nước về kiểm toán từng bước được nâng cao; việc kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật về kiểm toán được thực hiện phù hợp, hiệu quả.

Kiểm toán độc lập sau gần 30 năm hoạt động đã có những phát triển về số lượng, quy mô cũng như năng lực chuyên môn và chất lượng dịch vụ. Về cơ bản các dịch vụ do các doanh nghiệp kiểm toán (DNKT) cung cấp ngày càng được thừa nhận. Thông qua các hoạt động cung cấp dịch vụ, các DNKT đã góp phần triển khai cơ chế, chính sách, thực hiện công khai minh bạch BCTC của các doanh nghiệp, ngăn ngừa lãng phí, tham nhũng, phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và điều hành của Chính phủ, hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với Thị trường chứng khoán Việt Nam, kiểm toán BCTC là hoạt động không thể thiếu để công khai, minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết. Hoạt động của các DNKT đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về kế toán, kiểm toán, góp phần thúc đẩy tiến trình mở cửa, hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của các DNKT, các dịch vụ kiểm toán đã không ngừng được mở rộng, đa

**\*Phó Cục trưởng**

**Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán – Bộ Tài chính**

dạng hóa. Với việc mở rộng các dịch vụ, DNKT ngày càng đáp ứng hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng. Vì vậy, vai trò của các DNKT không chỉ dừng lại ở việc xác nhận thông tin, mà còn là tư vấn làm gia tăng lợi ích cho khách hàng, kể cả trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quá trình tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian qua.

Trong số các dịch vụ do DNKT cung cấp, dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất, trong khi dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chiếm tỷ trọng không cao do giá phí thấp<sup>1</sup>. Một số dịch vụ khác như tư vấn tài chính, thuế, kế toán, tư vấn quản lý, định giá tài sản... ngày càng được mở rộng, với doanh thu ngày càng cao hơn. Theo số liệu thống kê, tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ kiểm toán đang có xu hướng giảm dần, trong khi doanh thu từ các dịch vụ tư vấn có xu hướng tăng. Đây là quy luật chung trên thế giới, vì dịch vụ tư vấn thường mang lại doanh thu lớn hơn và không bị cạnh tranh gay gắt như các dịch vụ khác do được thực hiện bởi nhân viên có trình độ cao.

Về chất lượng dịch vụ, qua công tác giám sát cho thấy, thực tế chất lượng dịch vụ kiểm toán tại một số DNKT còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Một số DNKT và KTV chưa tuân thủ đầy đủ các quy định

của chuẩn mực kiểm toán và các quy định pháp luật có liên quan. Một số báo cáo kiểm toán chưa thực hiện đúng yêu cầu về hồ sơ kiểm toán, lập kế hoạch kiểm toán; xây dựng và áp dụng mức trọng yếu và bằng chứng kiểm toán; các ý kiến ngoại trừ chưa phù hợp. Phần lớn các hạn chế này xảy ra tại các DNKT có quy mô nhỏ, do không có đủ nguồn lực để thực hiện dịch vụ trong khi luôn phải chịu sức ép từ doanh thu, thời gian và giá phí. Trong một số trường hợp, người sử dụng kết quả dịch vụ kiểm toán chưa thật sự yên tâm, tin tưởng vào chất lượng kiểm toán.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, theo quy định của pháp luật hiện hành<sup>2</sup>, DNKT có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, thủ tục KSCL dịch vụ kiểm toán. Trong quản lý hoạt động, việc thực hiện quy định này là một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng của DNKT. Thực tế, nhiều DNKT đã tổ chức thực hiện tốt, qua đó chất lượng dịch vụ kiểm toán được đảm bảo, trong đó có các doanh nghiệp thuộc nhóm Big 4 và các DNKT có quy mô lớn hơn, là thành viên của các hãng kiểm toán có uy tín trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một số DNKT chưa xây dựng hoặc chưa thực hiện tốt các chính sách, thủ tục kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, dẫn đến chất lượng dịch vụ

kiểm toán không đạt yêu cầu. Hạn chế này phần lớn tập trung vào các DNKT có quy mô nhỏ, có thời gian hoạt động ngắn. Do vậy, cần thiết phải tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ kiểm toán từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước (cơ quan giám sát kiểm toán) ở Việt Nam đối với hoạt động kiểm toán độc lập.

Theo quy định hiện hành về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, việc thực hiện kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 157/2014/TT-BTC. Theo đó, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán và đã ban hành quy chế phối hợp giữa các đơn vị<sup>3</sup>. Cụ thể, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán; Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các doanh nghiệp còn lại; Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán. Vì vậy, mỗi DNKT chi

<sup>1</sup> Năm 2019 DV kiểm toán BCTC là 40,44%; DVKT Báo cáo QTDAHT là 19,86%.

Năm 2020 DV kiểm toán BCTC là 45%; DVKT Báo cáo QTDAHT là 20%.

<sup>2</sup> Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định DNKT có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách và thủ tục KSCL dịch vụ kiểm toán để đảm bảo các hợp đồng dịch vụ kiểm toán đều được tiến hành phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan.

<sup>3</sup> Quyết định số 767/QĐ-BTC ngày 23/4/2015: UBCKNN đối với các DNKT, KTV hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho ĐVCLICC thuộc lĩnh vực chứng khoán, Cục QLGSKTKT đối với các DN, KTV còn lại.

chịu sự kiểm soát chất lượng của 1 cơ quan (UBCKNN hoặc Cục QL-GSKTKT), do đó không xảy ra sự chồng chéo giữa các đơn vị.

Bộ Tài chính đã tổ chức và thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật, gồm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm và tổng kết báo cáo. Đối với các hành vi vi phạm sau khi được phát hiện đã được xử lý nghiêm theo quy định, như: đình chỉ hoạt động của DNKT, của KTV; yêu cầu báo cáo giải pháp khắc phục và thực hiện kiến nghị; yêu cầu thực hiện kiểm toán lại BCTC và các quy định của pháp luật.

Trong thời gian gần đây, hàng năm Bộ Tài chính đều tổ chức kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán từ 15-20 DNKT theo phân công của Bộ. Các DNKT được kiểm tra cơ bản đã ban hành quy chế kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán; ban hành quy chế tuyển dụng nhân viên, quy chế đào tạo; Thực hiện đào tạo nhân viên hàng năm, phổ biến quy chế kiểm soát chất lượng; Thực hiện tuyển dụng nhân viên, ký hợp đồng lao động; Các hồ sơ kiểm toán BCTC được lập cơ bản tuân thủ theo hướng dẫn quy chế kiểm toán của các công ty cũng như hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Qua kiểm tra đã phát hiện các sai sót, hành vi không tuân thủ các quy định khác của pháp luật về kiểm toán độc lập và chuẩn mực nghề nghiệp như: Còn chậm nộp hoặc không nộp các loại báo cáo theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản hướng dẫn Luật (Báo cáo tình hình hoạt động, Tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành

nghề kiểm toán, Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán, báo cáo tài chính được kiểm toán,...); Chưa làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định Thông tư số 203; Không thực hiện thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Điều 26 Luật Kiểm toán độc lập; Số liệu trong Báo cáo tình hình hoạt động nộp cho Bộ Tài chính chưa khớp với số liệu thực tế tại doanh nghiệp; Thông tin đăng trên website chưa đúng với thực tế; Hợp đồng kiểm toán được giao kết với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán BCTC hàng năm chậm hơn so với thời hạn theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập;...

Từ các hành vi phát hiện qua kiểm tra đã giúp xử lý hoặc kiến nghị các biện pháp xử lý, khắc phục, cùng với việc công khai thông tin kết quả xử lý vi phạm theo quy định. Ngoài ra, căn cứ kết quả đánh giá, tổng kết, Bộ Tài chính đã sửa đổi các văn bản pháp lý liên quan về quản lý hoạt động kiểm toán, giúp các công ty kiểm toán khắc phục sai sót cải tiến quy trình kiểm toán, nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán.

Tuy nhiên, hoạt động kiểm tra chất lượng dịch vụ của Bộ Tài chính trong một số trường hợp còn có hạn chế nhất định, chưa đạt hiệu quả cao, kết quả kiểm tra chưa phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động của đơn vị; bộ máy nhân sự để thực hiện kiểm tra còn thiếu về số lượng và chất lượng; số lượng DNKT được kiểm tra hàng năm chưa cao (chiếm 7%-10% so với tổng số DNKT hiện nay là hơn 200 doanh nghiệp).

Nhân sự hiện nay của Bộ Tài chính cho công tác kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán còn mỏng, chưa có kinh nghiệm và trải qua thực tế hành nghề. Do đó, các cuộc kiểm tra phải huy động nhân sự là các kiểm toán viên hành nghề huy động từ các DNKT lớn trong nước để thực hiện kiểm tra hồ sơ kiểm toán. Điều 52, Luật Kiểm toán độc lập, quy định việc huy động nhân sự phải đảm bảo yêu cầu về tính độc lập khách quan. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cũng đã dẫn đến hiện tượng xung đột lợi ích do sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các DNKT khác nhau, hạn chế về tính chủ động trong công tác tổ chức kiểm tra chất lượng dịch vụ. Tồn tại này sẽ được khắc phục khi cơ quan quản lý nhà nước thu hút được đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có kinh nghiệm hành nghề. Việc thiếu hụt nhân lực còn ảnh hưởng đến khối lượng và chất lượng hoạt động kiểm tra, từ đó phản ánh đúng chất lượng của toàn bộ hoạt động của DNKT.

Mặt khác, theo quy định hiện hành báo cáo kết quả kiểm tra cụ thể của từng công ty không được công khai trên các trang thông tin điện tử, mà chỉ công khai báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra. Kinh nghiệm các nước, việc công khai thông tin là rất quan trọng đối với các DNKT các ĐVCLICC, một số nước quy định thời hạn kiểm tra chất lượng của DNKT các ĐVCLICC ngắn hơn các DN khác, ít nhất hai năm một lần, trong đó yêu cầu kiểm tra hàng năm đối với các công ty có thị phần lớn như Big 4.

Hiện nay, cơ quan thuộc Bộ Tài chính là Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán chưa được giao quyền hạn xử lý vi phạm về kế toán, kiểm

toán. Việc xử lý vi phạm được thực hiện thông qua các quyết định của Chánh Thanh tra Bộ Tài chính. Quy trình này trong một số trường hợp đã làm giảm tính kịp thời và trách nhiệm trong việc phát hiện, lập biên bản và quyết định xử lý vi phạm.

Theo ý kiến của Thanh tra Chính phủ cũng cho thấy, để xác định trách nhiệm của kiểm toán thông thường phải thu thập, kiểm tra hồ sơ kiểm toán mới có đủ cơ sở kết luận, trong khi thời gian thanh tra bị giới hạn kiểm tra hồ sơ kiểm toán (đặc biệt là đối với Big 4) đòi hỏi yêu cầu cao về trình độ nghiệp vụ về kiểm toán và các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoại ngữ,...

## **2. Thành lập bộ phận giám sát chất lượng kiểm toán chuyên biệt để tăng cường nâng cao năng lực và tính độc lập của tổ chức quản lý, giám sát kiểm toán độc lập ở Việt Nam**

IFIAR (International Forum of Independent Audit Regulator - Diễn đàn quốc tế của các Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập) được thành lập tại Paris vào năm 2006 với số lượng các cơ quan quản lý gồm 18 nước, đến nay đã tăng lên là 55 thành viên, trong đó gồm các nước phát triển như: Mỹ, Đức, Nhật, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Nga. Ở Đông Nam Á, các nước tham gia diễn đàn gồm: Singapore, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonesia.

Sứ mệnh của IFIAR là phục vụ lợi ích công chúng, bao gồm các nhà đầu tư, bằng cách tăng cường giám sát kiểm toán trên toàn cầu. Mục tiêu tổng thể là:

- Chia sẻ kiến thức về môi trường kiểm toán phát triển và kinh nghiệm thực tế về hoạt động giám sát kiểm toán độc lập;

- Thúc đẩy sự hợp tác và nhất quán trong hoạt động giám sát;

- Cung cấp một nền tảng để đối thoại với các tổ chức quốc tế khác quan tâm đến chất lượng kiểm toán.

Theo khuyến cáo của IFIAR, việc thiết lập một cơ quan giám sát hoạt động độc lập về nghiệp vụ sẽ đảm bảo chất lượng kiểm toán, lợi ích công chúng và nâng cao giá trị của kiểm toán trong nền kinh tế. Cơ quan giám sát sẽ là đầu mối để giải quyết các vấn đề về chính sách nhằm phát triển và thúc đẩy công việc kiểm toán. Việc kiểm soát chất lượng là nhân tố nền tảng để kiểm soát và nhận diện các tồn tại trong hoạt động kiểm toán. IFIAR đã đưa ra bộ quy tắc cốt lõi trong việc thiết lập cơ quan giám sát và khuyến khích các quốc gia dựa trên các nguyên tắc này để tổ chức hệ thống giám sát kiểm toán độc lập phù hợp. Các nguyên tắc cốt lõi trong giám sát hoạt động kiểm toán được IFIAR đưa ra, bao gồm 3 phần với 11 nguyên tắc như sau:

### **Phần A: Cấu trúc**

*Nguyên tắc 1:* Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải được quy định rõ ràng và khách quan trong luật và để phục vụ lợi ích công chúng.

*Nguyên tắc 2:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải hoạt động độc lập.

*Nguyên tắc 3:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải minh bạch và có trách nhiệm.

### **Phần B: Hoạt động**

*Nguyên tắc 4:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập cần có quyền hạn thực thi toàn diện bao gồm khả năng đảm bảo rằng kết quả kiểm tra hoặc khuyến nghị của họ được giải quyết; những quyền hạn

thực thi này phải bao gồm khả năng áp dụng một loạt các biện pháp xử phạt bao gồm: ví dụ, phạt tiền và thu hồi giấy phép hành nghề kiểm toán.

*Nguyên tắc 5:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải đảm bảo rằng, nhân sự của mình độc lập với nghề nghiệp kiểm toán và phải có đủ cán bộ có năng lực.

*Nguyên tắc 6:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải khách quan, không có xung đột lợi ích và đảm bảo tính bảo mật.

*Nguyên tắc 7:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải có những thỏa thuận hợp tác với các cơ quan quản lý kiểm toán độc lập khác và với bên thứ ba khác nếu có.

### **Phần C: Kiểm tra**

*Nguyên tắc 8:* Cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải tiến hành kiểm tra định kỳ các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng để đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, yêu cầu độc lập và các quy định khác.

*Nguyên tắc 9:* Các cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải đảm bảo có chương trình kiểm tra dựa trên rủi ro.

*Nguyên tắc 10:* Các cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải đảm bảo rằng các quy trình kiểm tra là hiệu quả trên cả phương diện công ty kiểm toán và từng hồ sơ kiểm toán.

*Nguyên tắc 11:* Các cơ quan quản lý kiểm toán độc lập phải có cơ chế gửi báo cáo kết quả kiểm tra cho các công ty kiểm toán và đảm bảo rằng các công ty kiểm toán sẽ khắc phục các phát hiện.

Theo các nguyên tắc nêu trên thì hoạt động kiểm tra, giám sát và kết

luận về chất lượng kiểm toán cần được thực hiện bởi các chuyên gia có năng lực, có kinh nghiệm kiểm toán, am hiểu về báo cáo tài chính, thông thạo về chuẩn mực chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Theo các nguyên tắc cốt lõi mà IFIAR đưa ra thì các cơ quan giám sát kiểm toán tại các nước được thành lập và hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích công chúng. Việc thành lập cơ quan giám sát nên độc lập hoặc thuộc Chính phủ, phụ thuộc vào điều kiện thực tế và khuôn khổ pháp lý liên quan của từng nước. Nguồn kinh phí cần được bố trí đảm bảo chi trả cho đội ngũ nhân sự, chỉ cho việc thực hiện nghiệp vụ kiểm tra và giám sát các DNKT thực hiện các kiến nghị, đề xuất.

Theo các tài liệu nước ngoài, kinh phí để duy trì hoạt động của các cơ quan, tổ chức giám sát được huy động từ nhiều nguồn và được pháp luật quy định cụ thể<sup>4</sup>. Trong đó, một số nước huy động từ các cá nhân, tổ chức có liên quan như: KTV, DNKT, các đơn vị có lợi ích công chúng, các tổ chức phát hành vốn,.... Đây là kinh nghiệm cần được quan tâm, nghiên cứu trên nguyên tắc đảm bảo nguồn lực hoạt động mà ngân sách nhà Nước không phải chi trả.

Hiện nay, Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Nhà nước về kiểm toán độc lập, ban hành trình cấp có thẩm quyền các quy định về kiểm toán độc lập, chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát

chất lượng và xử lý vi phạm. Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán cũng như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đều thuộc Bộ Tài chính không kiêm nhiệm hành nghề kiểm toán, nên trên thực tế đảm bảo tính độc lập về mặt chuyên môn, nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc bố trí nhân sự cho bộ phận này còn rất mỏng, tập trung vào việc xây dựng chính sách, chưa qua thực tế.

Hiện nay, việc thiếu hụt nguồn nhân lực có chất lượng là nguyên nhân chính chưa được tăng cường cho công tác kiểm tra, giám sát chất lượng kiểm toán. Để khắc phục tình trạng này cần phải kiện toàn lại bộ phận kiểm tra, giám sát, trong đó tăng cường thêm nhân lực có trình độ cao, có kinh nghiệm lâu năm trong nghề kiểm toán. Để thu hút và duy trì được đội ngũ nhân sự này trong cơ quan Bộ Tài chính cần phải có cơ chế đặc thù phù hợp về tuyển dụng và đãi ngộ cho các chuyên gia có trình độ cao.

Để nâng cao hiệu quả, cần nghiên cứu giải pháp theo hướng tăng cường tần suất giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với DNKT độc lập và KTV hành nghề, cùng với việc xử lý nghiêm và công khai các hành vi vi phạm của DNKT và KTV.

Ngoài ra, có thể thấy trong thập kỷ qua, IFIAR đã trở thành một nhà lãnh đạo quốc tế trong việc thúc đẩy các vấn đề chất lượng kiểm toán. Hàng năm, diễn đàn tổ

chức một cuộc họp toàn thể để đại diện Thành viên thảo luận về các vấn đề pháp lý mới nổi, những thách thức đối với nghề kiểm toán và phương pháp chiến lược đối với chất lượng kiểm toán bền vững. Trong khi đó ở Việt Nam hiện nay chưa có cơ quan, tổ chức nào là thành viên của IFIAR. Vì vậy, việc tham gia vào IFIAR sẽ giúp Việt Nam học hỏi được những kinh nghiệm thực tế của các nước phát triển và thúc đẩy hợp tác trong việc giám sát chất lượng kiểm toán độc lập từ đó góp phần nâng cao năng lực của cơ quan giám sát kiểm toán độc lập. ■

#### Tài liệu tham khảo

*Tài liệu tham khảo của Diễn đàn quốc tế các cơ quan quản lý kiểm toán độc lập (IFIAR);*

*Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán*

*Quyết định số 767/QĐ-BTC ngày 23/4/2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc chấp thuận, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.*

<sup>4</sup> + Quy định DNKT, KTV phải nộp phí: Bỉ, Phần Lan, Pháp, Đức, Italy, Luxembourg, Malta, Tây Ban Nha, Hà Lan, Thụy Điển, Canada, Mỹ;

+ Ngân sách cấp: Bulgari, Cộng hòa Síp (Cyprus), Estonia, Hungary, Lithuania, Slovenia, Úc;

+ Kết hợp NS cấp và DNKT, KTV phải nộp phí: Ai-len, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Anh;

+ Đóng góp từ các đơn vị có lợi ích công chúng: Slovakia;

+ Thu từ tổ chức phát hành vốn, từ các nhà môi giới, đại lý: Mỹ.